

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

Tập 1

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Ngày 05 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hiệp hội giáo dục Phật-đà Hồng Kông

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Chư vị pháp sư, chư vị đại đức, chư vị đồng học, xin mời ngồi! Hôm nay nhằm tiết Thanh Minh âm lịch, chúng tôi chọn ngày hôm nay để bắt đầu giảng Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa. Đối với người thông thường, danh xưng này dường như rất xa lạ, nhưng các vị đồng tu lâu năm trong nhà Phật đều biết Tịnh Độ Đại Kinh chính là kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ hiện nay có chín phiên bản khác nhau, bản được chúng tôi chọn lựa chính là bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, căn cứ theo thứ tự triều đại trước sau thì bản thứ chín này là bản cuối cùng. “Giải” là chú giải, do đệ tử của Hạ lão là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chú giải. Duyên khởi này cũng rất chẳng thể nghĩ bàn, trong giáo pháp Đại thừa, cũng như trong Phật môn, mọi người đều cảm thấy kinh Vô Lượng Thọ rất hiếm có. Vì sao vậy? Vì thủa Thế Tôn còn tại thế đã giảng kinh dạy học suốt 49 năm, trong 49 năm ngài đã giảng rất nhiều kinh luận, các kinh luận khác thì ngài chỉ giảng một lần, không hề giảng trùng lặp, chỉ riêng kinh Vô Lượng Thọ được giảng lại mấy lượt. Các kinh phiên dịch tại Trung Quốc, từ phần mục lục các kinh được dịch, chúng ta thấy kinh này có mười hai bản dịch, được phiên dịch nhiều lần nhất, từ triều Hán cho đến triều Tống, trong vòng 800 năm, được phiên dịch mười hai lần. Đương nhiên, cùng một bản gốc mà có nhiều bản dịch thì tất nhiên văn tự trong các bản dịch ấy sẽ khác nhau, nhưng nội dung chắc chắn giống nhiều khác ít. Như kinh Kim Cang có sáu bản dịch, từ Đại tạng kinh thì chúng ta có thể thấy sáu bản dịch ấy có cùng một bản gốc, cũng có nghĩa là Thế Tôn chỉ giảng [kinh Kim Cang] một lần. Kinh Vô Lượng Thọ rất kỳ lạ, chỗ khác biệt trong các bản dịch rất lớn, chỗ rõ ràng nhất, mà cũng là phần trọng yếu nhất trong kinh này, chính là bốn nguyện của A-di-đà Phật. Trong mười hai bản dịch hiện tại chỉ còn lại năm bản, đã thất truyền bảy bản, hiện nay trong Đại tạng kinh có mục lục, nhưng không có bản kinh, đây là sự việc rất đáng tiếc!

Trong năm bản dịch gốc được lưu truyền thì hai bản ghi 48 nguyện, 24 nguyện cũng được ghi trong hai bản khác, còn bản dịch đời Tống chép 36 nguyện, điều này

khác biệt quá lớn. Nếu cùng một bản dịch gốc thì chắc chắn không thể có sự khác biệt này, chẳng thể có chuyện này! Do vậy, từ chỗ có ba loại bản nguyện khác biệt này, nên cổ đại đức đã phán đoán: Bảy bản dịch đã thất truyền kia thì không biết, không rõ nội dung, nhưng từ năm bản dịch này thì khẳng định Thế Tôn tối thiểu đã giảng [kinh Vô Lượng Thọ] ba lần, ba lần nói bản nguyện của A-di-đà Phật, Thế Tôn nói các điều nguyện không giống nhau nên mới có sự khác biệt này. Sự suy luận này rất hợp logic, người thông thường chúng ta cũng đều có thể chấp nhận. Nhiều lần tuyên giảng đâu phải dễ, nếu không phải hết sức trọng yếu thì Thế Tôn chẳng thể tuyên giảng nhiều lần, trong Đại tạng kinh gần như chẳng tìm được dấu vết [những bộ kinh khác] được tuyên giảng nhiều lần. Sở dĩ năm xưa đức Phật tuyên giảng bộ kinh này nhiều lần, vì đây là một bộ kinh vô cùng trọng yếu. Đặc biệt chúng ta thấy đại sư Thiện Đạo đã nói hai câu, ngài Thiện Đạo là người thời Đường, theo truyền thuyết ngài là A-di-đà Phật tái lai, lời ngài Thiện Đạo nói chính là lời A-di-đà Phật tự nói. Ngài nói: *“N hư Lai sở dĩ xuất hiện ở thế gian, chỉ vì nói biến bốn nguyện của Di-đà”*, nghĩa này chính là nói mười phương chư Phật thị hiện trong thế gian [chỉ vì nguyện nhân này]. Qua phẩm Hoa Tạng Thế Giới và phẩm Thế Giới Thành Tựu trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy được vũ trụ quan của nhà Phật, triết học hiện đại gọi là vũ trụ quan, thật quá lớn! Các nhà thiên văn học hiện thời chưa đạt tới cảnh giới này; nói theo Phật pháp, sự quan sát và lý giải của các nhà thiên văn học vẫn chưa thể ra khỏi thế giới Ta-bà.

Chúng tôi học kinh giáo nhiều năm như vậy, bao gồm các vị đại đức tiền bối và những vị đời trước nữa, đều cho rằng một đơn vị thế giới được nói trong kinh Phật chính là địa cầu của chúng ta, mặt trời xoay quanh núi Tu-di, rất nhiều người hiểu lầm, cho rằng núi Himalaya là núi Tu-di. Sau này khoa học chứng minh trái đất hình tròn nên gọi là địa cầu, chẳng khác gì các ngôi sao trên trời, cũng không thể coi là quá lớn được, địa cầu xoay quanh mặt trời, chứ không phải mặt trời xoay quanh địa cầu. Họ biết có hệ Mặt Trời, mặt trời xoay quanh hệ Ngân Hà, nhưng chúng ta không có cách nào chuyển đổi quan niệm này. Núi Tu-di ở đâu? Chắc chắn núi Tu-di không ở trên địa cầu. Phật pháp hình dung núi Tu-di bằng danh xưng Diệu Cao, chúng ta có thể hiểu chữ cao, nhưng còn chữ diệu rất khó hiểu. Chúng tôi vốn cho rằng một cõi Phật, tức là phạm vi giáo hóa của một vị Phật dường như là hệ Ngân Hà mà nhà khoa học hiện nay nói. Từ năm 1986, tôi đã kết duyên, quen biết lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, khi đó hai người chúng tôi vô cùng hoan hỷ, vì hoàng dương bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư chỉ có hai người chúng tôi, ngài giảng bộ kinh này trong

nước, tôi giảng bộ kinh này tại hải ngoại. Chúng tôi gặp mặt, Hoàng lão nêu lên vấn đề này với tôi, nói cho tôi biết, một đơn vị thế giới trong kinh Phật chẳng phải là hệ Mặt Trời, mà là hệ Ngân Hà, trung tâm của hệ Ngân Hà là hố đen, núi Tu-di có lẽ là chỉ cho hố đen này. Sự cao lớn của hố đen thì chúng ta có thể hiểu được, nhưng cho đến nay, vẫn chưa ai có thể lý giải tình trạng thật sự của hố đen, chỉ biết nó có sức hút rất lớn, ngay cả ánh sáng cũng không cách nào xuyên qua nó, đều bị nó hút mất. Nó là cái lõi của hệ Ngân Hà, tất cả các hành tinh đều xoay quanh cái lõi này, cổ nhân Trung Quốc gọi nó là cực Hoàng Đạo, hệ Ngân Hà mới là một đơn vị thế giới. Một ngàn đơn vị thế giới gọi là một “tiểu thiên thế giới”, đó chính là một ngàn hệ Ngân Hà, là một tiểu thiên thế giới; lại lấy tiểu thiên thế giới làm đơn vị, một ngàn tiểu thiên thế giới gọi là “trung thiên thế giới”; một ngàn trung thiên thế giới gọi là một “đại thiên thế giới”. Một đại thiên thế giới có bao nhiêu hệ Ngân Hà? Một tỷ hệ Ngân Hà, các nhà thiên văn học hiện nay chưa thể quan sát điều này, đây là khu vực giáo hóa của một đức Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói với chúng ta có vô lượng vô biên thế giới như vậy trong không gian. Nói đến thế giới Hoa Tạng, thì thế giới Hoa Tạng giống như một tòa nhà có 20 tầng, thế giới Ta-bà và thế giới Cực Lạc đều ở tầng thứ 13, lại chẳng biết có bao nhiêu thế giới giống như thế giới Hoa Tạng! Đây là thế giới quan nói trong Phật pháp, thế giới đồ sộ, quả thật chẳng thể nghĩ bàn.

Đức Phật xuất hiện ở thế gian, khu vực giáo hóa nhỏ nhất của mỗi vị Phật là một đại thiên thế giới. Có trường hợp là hai, ba đại thiên thế giới, hay năm, sáu đại thiên thế giới, mười mấy đại thiên thế giới cũng có, Phật cũng có phước báo lớn hay nhỏ khác nhau. Nguyên nhân do đâu? Trong khi tu nhân, tâm lượng khác nhau, cho nên [khi thành Phật] cảm quả cũng không như nhau, trừ điều này ra thì không có gì khác biệt, đây là nói về duyên hóa độ chúng sanh không giống nhau. Vì vậy, người học Phật phải rộng kết pháp duyên với hết thầy chúng sanh, tương lai khi quý vị thành Phật sẽ độ rất nhiều người, rộng kết pháp duyên rất quan trọng. Đức Phật thị hiện trong các cõi Phật khác nhau đều là có duyên, chẳng thể nói không có duyên, đều có duyên, duyên ấy rất phức tạp. Dùng phương pháp nào để giúp họ ổn thỏa thích đáng, đơn giản, dễ dàng, nhanh chóng trở về tự tánh? Trở về tự tánh là viên mãn thành Phật, trở về nguồn, dùng phương pháp nào vậy? Dùng phương pháp niệm Phật của Tịnh độ, do vậy ngài Thiện Đạo nói: “Chỉ vì nói biển bốn nguyện của Di-đà”. Kinh ấy là kinh gì? Chính là kinh Vô Lượng Thọ, vì thế kinh Vô Lượng Thọ được gọi là kinh bậc nhất trong Tịnh tông. Tịnh độ tông thật sự đơn giản, kinh điển để làm căn cứ gồm năm loại, năm xưa đức Thế Tôn giảng ba loại, tức là ba bộ kinh, gọi là

Tịnh độ tam kinh: kinh Vô Lượng Thọ, kinh A-di-đà, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Phân lượng đều không lớn, nếu chỉ là kinh văn của ba bộ kinh, tức là chánh kinh, không có phần chú giải, thì gộp lại thành một quyển mỏng, phân lượng rất ít, đơn giản, dễ dàng, nhưng thành tựu vô cùng thù thắng, đây là đại sư Thiệu Đạo cho chúng ta biết điều này.

Chúng ta phải tin tưởng rằng gặp được pháp môn này chính là đời này có cơ duyên, bạn gặp được cơ hội này, vậy thì bạn có thể trở về tự tánh, bạn có thể viên thành Phật đạo, cơ hội này hiếm có biết bao. Bởi lẽ “thân người khó được, Phật pháp khó gặp”, chúng ta được làm thân người, gặp được Phật pháp, lại gặp được pháp môn thù thắng không gì bằng trong Phật pháp, chúng ta phải trân quý cơ duyên này. Pháp môn này còn gọi là pháp khó tin, do phương pháp quá đơn giản, quá dễ dàng nên rất nhiều Bồ-tát chẳng tin. Nói theo lý thì phải sạch hết các vọng mới có thể quay về nguồn được, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều chẳng lìa khỏi nguyên tắc này; “vọng” là phiền não, ba loại phiền não lớn là vô minh phiền não, kiến tư phiền não, trần sa phiền não, đây là ba loại lớn. Đoạn kiến tư phiền não thì chẳng còn lục đạo luân hồi nữa. Do đó lục đạo chẳng phải thật, giống như một giấc mộng. Bạn chưa thoát khỏi lục đạo, đang nằm mộng, vẫn chưa tỉnh mộng. Khi nào bạn buông xuống kiến tư phiền não, kinh Hoa Nghiêm gọi kiến tư phiền não là chấp trước, đối với hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian không còn chấp trước nữa, buông xuống kiến tư phiền não thì bạn bèn chứng quả A-la-hán. A-la-hán đã tỉnh lại rồi, tỉnh lại từ trong giấc mộng lớn của lục đạo thì thành A-la-hán, lục đạo chẳng còn nữa. Lục đạo tuy chẳng còn, đã tỉnh rồi, nhưng vẫn ở trong mộng, vì sao vậy? Bạn vẫn còn phân biệt, còn có vọng tưởng, những thứ này vẫn là phiền não, nhẹ hơn kiến tư phiền não một chút, nhưng vẫn còn. Nếu phân biệt cũng buông xuống, chẳng còn phân biệt nữa, không những chẳng phân biệt, mà vọng tưởng cũng buông xuống. Vọng tưởng là gì? Tôi thường gọi là khởi tâm động niệm. Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, không khởi tâm, không động niệm, khởi tâm động niệm đều không có thì đương nhiên sẽ chẳng có phân biệt, chấp trước, bạn thật sự tỉnh mộng rồi, hễ tỉnh lại thì tứ thánh pháp giới đều không có, thập pháp giới chẳng có. Thập pháp giới bao gồm lục đạo, dưới là lục đạo, trên là tứ thánh, tứ thánh là Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật; Phật [trong tứ thánh pháp giới] cũng chẳng thật, phải biết điều này, đừng chấp trước, đừng phân biệt. Sau khi buông xuống những điều này, không thấy tứ thánh pháp giới nữa, bạn thật sự tỉnh khỏi cảnh mộng rồi. Khi ấy đã tỉnh rồi nhưng vẫn còn có tướng cảnh giới, vẫn còn có tướng, tướng đó là gì vậy? Chúng ta thường gọi nó là nhất chân

pháp giới, là cõi *Thật báo trang nghiêm* của chư Phật Như Lai, chúng ta nói thế giới Cực Lạc, kinh Hoa Nghiêm nói thế giới Hoa Tạng, đó đều là những cõi Thật báo của Như Lai. Nói đến cõi Thật báo của Như Lai, quý vị phải nhớ, đó là cõi Thật báo của chính mình, tự - tha không hai, tha là chư Phật Như Lai, thật sự chẳng phải hai.

Do vậy, mấy năm gần đây chúng tôi cực lực đề xướng, làm Phật sự thì dùng Tam Thời Hệ Niệm trong Tịnh tông, do thiền sư Trung Phong biên soạn, ngài là bậc đại đức trong Thiền tông, bạn thấy ngài biên soạn nghi thức Hệ Niệm hoàn toàn dùng giáo nghĩa Tịnh độ, âm dương đều lợi. Ngài nói rất rõ ràng: “Tự tánh Di-đà, duy tâm Tịnh độ”, Di-đà ở đâu? Di-đà là tự tánh, Tịnh độ cũng là tự tánh, tâm và tánh là một, chẳng phải hai. Nếu bạn thật sự hiểu rõ thì bạn sẽ biết chư Phật Như Lai và hết thảy chúng sanh có mối quan hệ mật thiết với bản thân chúng ta đến nhường nào. Nói tới quan hệ thì mối quan hệ ấy thuộc về luân lý, tức là quan hệ nói theo phương diện luân lý. Kinh giáo Đại thừa giảng về quan hệ rất thấu triệt, giảng đến mức viên mãn rất ráo, khắp pháp giới hư không giới, trên là chư Phật, dưới là chúng sanh cùng với chính mình là một thể, chẳng phải là một nhà, mà là một thể, đây là bạn nói đến loại quan hệ này. Cho nên, lòng yêu thương ấy được gọi là vô duyên đại từ, *từ* là lòng yêu thương, quan tâm, *vô duyên* là không có điều kiện; đồng thể đại bi, *bi* là thương xót, thương xót hết thảy chúng sanh đã mê mất tự tánh. Phải biết họ và chúng ta là một thể, chẳng phải là người ngoài, mà là cùng một thể, vô duyên là giúp đỡ họ vô điều kiện. Vì thế, trong nhân gian có chân ái, chân ái là lòng yêu thương của Phật Bồ-tát, chính là đại từ đại bi, là chân thật. Bậc giác ngộ thì có, người mê mất tự tánh chẳng phải không có, nhưng họ bị mê, do mê nên chân ái bị biến chất. Do vậy trong kinh, đức Phật gọi lòng yêu thương ấy là ái duyên từ, như trong thế gian hiện nay, lòng thương yêu của cha mẹ đối với con cái gọi là ái duyên, có lòng từ bi, nhưng từ bi đối với người có quan hệ máu mủ ruột thịt, do có mối quan hệ này. Lại có chúng sanh duyên từ bi, tâm lượng lớn hơn một chút, yêu thương chính mình và cũng có thể yêu thương người khác, câu “phàm là người, đều yêu thương” trong Đệ Tử Quy chính là chúng sanh duyên từ bi. Bồ-tát có pháp duyên từ bi, cao hơn một tầng nữa, các ngài hiểu rõ chân tướng sự thật. Thật sự đạt đến minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ thì đó chính là lòng từ bi của Phật, lòng từ bi ấy không có điều kiện, đây mới gọi là chân ái, những tình thương khác đều có điều kiện, còn tình thương này không có điều kiện. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này thì học Phật, tìm được Phật mới là tìm được người thân thật sự! Chúng ta giống trẻ nhỏ mê mất phương hướng, chúng ta thật sự tìm được cha mẹ, tìm được người quan tâm, yêu thương chúng ta rồi, những người

này là chư Phật, Pháp thân Bồ-tát, các ngài thật sự có thể giúp chúng ta phá mê khai ngộ, trở về tự tánh, công đức bền viên mãn. Vì thế, chỗ khác nhau giữa chúng sanh và Phật là mê hay ngộ, trừ mê và ngộ ra thì không có gì khác nhau cả. Trong giáo pháp Đại thừa, bạn càng đọc thì càng hiểu rõ, càng sáng tỏ, đọc đến cuối cùng thì bạn bất chợt hiểu rõ, “*hóa ra là ngay đây*”, tức là ngay lúc này, ngay nơi đây.

Tình tông thật sự khó tin, đặc biệt là đối với những thành phần tri thức. Tôi học Phật là do tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu, lúc trẻ cũng theo học trong nhà trường, chịu ảnh hưởng của các thầy cô, cho Phật giáo là tôn giáo, là mê tín, hơn nữa ở trong các tôn giáo là “đa thần giáo, phiếm thần giáo”¹, trong các tôn giáo là thuộc về tôn giáo cấp thấp, tôn giáo cấp cao chỉ nói tới một vị chân thần, còn những gì Phật giáo biểu hiện ra thật sự là mê tín, đó là do khi ấy tôi không hiểu. Trong xã hội hiện nay, người không hiểu càng nhiều hơn. Tôi học triết học với thầy Phương, trong khóa trình cuối cùng, thầy giảng triết học trong kinh Phật cho tôi, tôi nói: “Phật giáo là tôn giáo, là mê tín, là phiếm thần giáo, làm gì có triết học?” Thầy bảo tôi: “Anh còn trẻ, anh không biết đâu, Thích-ca Mâu-ni Phật là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới, triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học trên toàn thế giới”. Lúc đó, thầy bảo tôi như thế này: “Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người”. Trong khóa trình ấy, tôi tiếp nhận triết học trong kinh Phật như vậy, mới thay đổi quan niệm sai lầm trong quá khứ, tôi nhận thức Phật giáo lại từ đầu. Duyên của tôi rất thù thắng, sau khi thầy Phương giới thiệu Phật giáo cho tôi, thì không đầy hai tháng sau tôi có cơ hội quen biết đại sư Chương Gia, do một thân vương Mông Cổ cuối đời Thanh giới thiệu cho tôi quen biết đại sư Chương Gia. Khi đó, tôi mới vừa tiếp xúc với Phật pháp, đây cũng là do thầy Phương từ bi đã chỉ cho tôi đường lối học tập, thầy nói với tôi, Phật pháp chẳng ở trong chùa chiền, mà ở đâu vậy? Trong kinh điển, anh muốn thật sự tìm được Phật giáo thì phải tìm từ trong kinh điển. Sự hướng dẫn này vô cùng quan trọng, do vậy tôi trước sau cảm tạ ân đức của thầy. Bởi lẽ nếu không có sự chỉ điểm ấy thì chúng tôi phải đi thỉnh giáo người xuất gia, nhiều người xuất gia đã vứt bỏ kinh giáo, đều không học tập, không thể nói ra được, trong tình hình ấy, chắc chắn chúng tôi sẽ hoài nghi, lòng tin chẳng còn nữa. Thầy Phương biết Phật pháp ở trong kinh điển. Thầy nói, thuở xưa người xuất gia và tại gia học Phật đều là những bậc học vấn lỗi lạc, thật sự là đại đức, đại hiền triết, hiện nay rất hiếm [những người như vậy].

¹ Tôn giáo có nhiều vị thần, các vị thần phù phiếm.

Sau khi tôi tiếp xúc với đại sư Chương Gia, ngài dạy tôi học theo Thích-ca Mâu-ni Phật, bảo tôi hãy xem hai tài liệu. Hai tài liệu ấy ở trong Đại tạng kinh, khi ấy chưa có bản lưu hành riêng, đó là Thích-ca Phổ và Thích-ca Phương Chí. Lão nhân gia rất từ bi nói: “Anh muốn học Phật, trước hết anh phải nhận biết Thích-ca Mâu-ni Phật, vậy sẽ chẳng đi lòng vòng”. Sau khi xem xong hai tài liệu ấy, tôi mới biết Thích-ca Mâu-ni Phật quả thật rất vĩ đại, nói theo chúng ta hiện nay thì ngài là nhà giáo dục, chẳng dính dáng gì đến tôn giáo. Ngài xuất thân từ dòng dõi vua chúa, phụ thân ngài là quốc vương, Ấn Độ cổ thời ấy chẳng khác thời Xuân Thu Chiến Quốc của Trung Quốc là bao, đều có rất nhiều quốc gia nhỏ, ngài là vương tử, 19 tuổi rời khỏi gia đình, ra ngoài tham học. Do vậy, chúng ta biết Thích-ca Mâu-ni Phật khi còn là thanh niên vô cùng hiếu học, ngài rời khỏi gia đình, ra ngoài cầu học, cuộc sống rất khổ, giống như vị tăng khổ hạnh vậy. Ấn Độ thuở ấy quả thật là một nơi tốt đẹp, khi đó học thuật trên địa cầu này, đặc biệt là triết học, Ấn Độ có thể xem như đứng đầu thế giới. Tôn giáo cũng như thế, Ấn Độ là đất nước của tôn giáo, tất cả các bậc đại đức trong tôn giáo ngài đều gặp gỡ, đều học tập; lại còn học hết sức nghiêm túc, tất cả các học phái ngài cũng đều học qua. Khi ấy ở Ấn Độ rất thịnh hành một loại phong khí, đó là thiên định, bất luận tôn giáo hay học thuật nào cũng đều coi trọng thiên định. *Tứ thiên bát định* nói trong kinh Phật chẳng phải do Thích-ca Mâu-ni Phật đề xướng, chẳng phải, tôn giáo lẫn học thuật của Ấn Độ xưa đều học những môn này, đương nhiên chàng thanh niên Thích-ca Mâu-ni cũng không ngoại lệ.

Thiên định có thể đột phá các chiều không gian, cho nên họ phát hiện ra lục đạo, lục đạo là thật, chẳng phải giả. Bạn tu định đến một trình độ nhất định thì đều sẽ thấy, thứ mà bạn thấy cùng họ thấy, khi nói ra trong đó hoàn toàn giống nhau, người thấy [những điều này] nhiều lắm! Phía trên là đến 28 tầng trời, phía dưới tới địa ngục A-tỳ, họ đều hiểu rành rẽ tình trạng trong toàn thể lục đạo, nhưng nếu hỏi lục đạo do đâu mà có? Vì sao có lục đạo? Ngoài lục đạo ra còn có thế giới chăng? Về vấn đề này thì không những hết thảy các tôn giáo của Ấn Độ chẳng có cách nào trả lời, mà một số triết học Ấn Độ cũng chẳng thể giải đáp. Thích-ca Mâu-ni Phật tu 12 năm, đến năm 30 tuổi, ngài buông xuống việc học tập. Học 12 năm, xem như đã tốt nghiệp, ngài buông xuống, đến dưới cội cây tất-bát-la bên bờ sông Hằng tỉnh tọa, ngài đã khai ngộ, cây ấy về sau được gọi là cây bồ-đề, bồ-đề có nghĩa là giác ngộ, ngài đại triệt đại ngộ ở nơi ấy. Nhập thiên định càng sâu hơn, thiên định gì vậy? Trong kinh Lăng-nghiêm, định ấy được gọi là “thủ lăng-nghiêm đại định”, kinh Hoa Nghiêm gọi định ấy là “sư tử phân tán tam-muội”, đó là kiến tánh. Cũng chính là nói

thật sự buông xuống khởi tâm động niệm, không khởi tâm, không động niệm bèn khôi phục tự tánh, mới thật sự hiểu rõ ràng tường tận chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, biết có lục đạo luân hồi là chuyện nhỏ, quá nhỏ bé. Ngài thấy đều hiểu rõ ràng mọi việc, đương nhiên hết sức vui mừng, ngài bèn tường thuật tỉ mỉ về cảnh giới này, làm một bài báo cáo. Nói với ai? Nói với con người, nhưng người ta nghe không hiểu, đừng nói người thế gian chúng ta nghe không hiểu, chư thiên trong 28 tầng trời nghe cũng không hiểu, do đó ngài giảng trong định. Chúng ta thấy Thích-ca Mâu-ni Phật tĩnh tọa dưới cội bồ-đề, đâu biết ngài giảng kinh Hoa Nghiêm nơi ấy, kinh Hoa Nghiêm là cảnh giới khai ngộ của Thế Tôn. Ngài nói cặn kẽ, nêu bày toàn bộ. Nói trong bao nhiêu ngày? Theo kinh chép thì là hai thất, tức 14 ngày, cũng có kinh bảo là giảng trong 21 ngày. Chúng ta có thể không cần quan tâm đến chuyện này, cũng không cần phải khảo chứng, đừng phân biệt, chấp trước chuyện này, tối đa là 21 ngày, giảng trong định.

Trong thiên định thì thời gian và không gian không còn nữa, thời gian và không gian chẳng còn, chúng ta có thể tin chuyện này, vì sao? Có chứng minh khoa học. Khoa học chứng minh như thế nào? Thôi miên rất khoa học, trong thôi miên thì thời gian và không gian chẳng còn nữa. Quý vị thấy, thôi miên hai tiếng, người được thôi miên có thể nhớ được vài đời trong quá khứ, lúc bị thôi miên, người ấy có thể tới thiên đường, và cũng có thể xuống địa ngục, quý vị thấy đó, đột phá thời gian lẫn không gian. Do đó chúng ta biết, thôi miên cũng phải thả lỏng toàn bộ tinh thần, buông xuống hết thấy, trong tâm không có tạp niệm, có cùng một nguyên lý với thiên định. Công phu thiên định càng sâu hơn, thời gian nhập định càng dài hơn, 7 ngày, 21 ngày thì trọn pháp giới hư không giới quả thật đều có thể thấy rõ ràng sáng tỏ. Thật ra có cần tốn ngần ấy thời gian hay không? Không cần, chỉ trong một niệm, trong một niệm bèn thông đạt sáng tỏ, tùy thuộc bạn buông xuống nhiều hay ít, khác biệt chẳng do công phu cạn hay sâu, mà do bạn buông xuống nhiều hay ít. Vì thế, nếu bạn muốn dụng công thì nhất định đừng chấp trước, buông xuống càng nhiều thì tâm bạn càng thanh tịnh, càng gần với tự tánh. Trong sách Hoàn Nguyên Quán có nói: “*Tự tánh là thể thanh tịnh tròn sáng*”, càng buông xuống nhiều thì càng gần với tự tánh, càng gần tự tánh thì bạn càng hiểu rõ. Sau khi hiểu rõ chân tướng, đức Phật bèn xuất định, bắt đầu dạy học, vì sao bắt đầu dạy học? Tâm từ bi tự nhiên lưu lộ, không có lý do, không có điều kiện, thấy chúng sanh bèn muốn giúp họ trở về tự tánh. Vì lẽ gì? Họ và ta là một, không phải hai; người giác ngộ biết, kẻ mê chẳng biết ta và người là một thể. Ngài vừa bắt đầu như thế là dạy học suốt 49 năm, Thế Tôn

viên tịch lúc 79 tuổi, 30 tuổi bắt đầu dạy học cho tới năm 79 tuổi. Do đó ngài giảng kinh hơn 300 hội, thuyết pháp 49 năm.

Chúng ta nhìn từ chỗ này, ngài đã dùng thân phận nào vậy? Chức vụ thầy giáo tình nguyện, suốt đời dạy học. Dạy điều gì? Hết thầy các kinh do Phật giảng lúc còn tại thế khi đó chưa có văn tự, đều chỉ là nói miệng. Sau khi Thế Tôn viên tịch, các học trò đem những gì thầy đã dạy, đã nói trong quá khứ ghi chép lại, đến khi ấy mới trở thành kinh điển. Ghi chép cũng chẳng phải là chuyện đơn giản, phải tìm người phúc giảng, tìm ai đây? Tìm A-nan, ngài A-nan là thị giả của đức Phật. Kinh do Thích-ca Mâu-ni Phật đã nói trong một đời, ngài A-nan đều nghe qua. A-nan là em họ nhỏ nhất của đức Phật, anh em họ của ngài gồm tám người, Thích-ca Mâu-ni Phật lớn nhất, ngài A-nan nhỏ nhất, là người em thứ tám, kém hơn Phật 20 tuổi. Cho nên, năm xưa Thích-ca Mâu-ni Phật giảng kinh, trước ấy đã giảng 20 năm rồi, khi Thích-ca Mâu-ni Phật bắt đầu giảng kinh thì ngài A-nan mới sinh ra, Phật đã giảng 20 năm, ngài A-nan năm 20 tuổi mới xuất gia, những kinh giảng trong 20 năm đầu thì A-nan chưa được nghe. Vì thế trong kinh có ghi chép, những lúc rảnh rỗi, Thế Tôn đem những gì đã nói trong quá khứ đều giảng lại cho A-nan nghe, thế nên ngài nghe kinh rất hoàn chỉnh. Ngài A-nan có trí nhớ đặc biệt tốt, nghe một lần thì sẽ vĩnh viễn không quên, giống như máy thu âm vậy, ngài có thể nhắc lại nguyên văn, có khả năng này, điều này hiếm có, trong các đệ tử của Phật thì chỉ có ngài có trí nhớ cao nhất. Vì thế, sau khi đức Phật diệt độ, mọi người thỉnh ngài A-nan lên tòa giảng lại, 500 vị A-la-hán là đệ tử đức Phật thuở ấy, họ là những vị thường nghe kinh nên đến làm chứng minh, điều nói ra phải được 500 A-la-hán cùng đồng ý: “A-nan nói không sai, đức Phật đã nói như thế”, rồi mới ghi chép lại; nếu có một ai đó nghi ngờ điều gì thì phải lược bỏ điều ấy, nhằm giữ chữ tín với người đời sau. Kinh tạng được kết tập nghiêm ngặt như thế, chẳng phải là chuyện dễ dàng.

Khi đó văn tự dùng để kết tập là Phạn văn, hiện nay rất ít người hiểu cổ văn Ấn Độ. Kinh điển truyền đến Trung Quốc là tiếng Phạn, năm xưa những lưu học sinh Trung Quốc đến Ấn Độ học tập cũng học Phạn văn, từ tiếng Phạn dịch sang tiếng Trung có thể chẳng có sai sót gì hay không? Nay chúng ta dịch một bài văn từ tiếng Anh sang tiếng Trung, có thể dịch đúng 100% hay không? Không thể nào, nói chung là luôn có sai sót. Đừng nói ngôn ngữ ngoại quốc, chúng ta lấy cổ văn Trung Quốc, bạn lấy một bài văn chương của cổ nhân, bây giờ tìm vài người, hay tìm mười người, bảo họ dịch bài ấy thành văn bạch thoại thì mười người dịch khác nhau, rất cuộc

dùng tiêu chuẩn nào [để phán định đúng sai]? Rất khó nói, điều này có thể khiến người ta tin tưởng [tính chính xác của kinh Phật] hay chẳng? Năm xưa, tôi đã thỉnh giáo tiên sinh Phương Đông Mỹ chuyện này, làm thế nào để khiến chúng ta sanh khởi lòng tin? Thầy Phương hết sức cảm khái nói: Người Trung Quốc thời xưa chẳng giống như người Trung Quốc hiện nay, người Trung Quốc hiện nay đã đánh mất lòng tự tin dân tộc, cho nên mới bị sỉ nhục lớn như thế, chịu lắm khổ nạn như vậy. Xưa kia, người Trung Quốc không như vậy, hết sức tự hào, kinh điển tiếng Phạn sau khi dịch sang tiếng Trung, chẳng những ý nghĩa không sai, mà văn tự còn đẹp đẽ, bóng bẩy hơn nguyên văn; nói cách khác, đã có bản tiếng Trung thì có thể không cần đến bản tiếng Phạn nữa, tự hào như thế đó. Người Trung Quốc vào thời Tùy - Đường thật sự giống với người Trung Quốc, đâu phải như hiện giờ? Thầy Phương nói với tôi như thế, hóa giải điều nghi vấn của tôi.

Có thật như vậy không? Thật vậy. Từ xưa tới nay, Trung Quốc quả thật là một nước lễ nghĩa, là đất nước mệnh mông rộng lớn, mãi cho đến đời Thanh, lòng tự tin ấy chưa từng mất đi. Vào cuối đời Thanh, cuối triều đại mới nảy sinh vấn đề, rất nhiều nhân tố khiến cho vấn đề nảy sinh, lịch sử cận đại đều chép rất rõ ràng, chẳng phải là truyền thống Trung Quốc có vấn đề, mà do người lãnh đạo đất nước thuở ấy là Từ Hy thái hậu có vấn đề, đúng là “một người khiến đất nước hưng thịnh; một người khiến quốc gia, dân tộc diệt vong”, có sự liên quan quá lớn đến một cá nhân. Nhà Thanh từ thuở khai quốc cho đến đời của chồng bà là vua Hàm Phong, Từ Hy thái hậu là phi tử của Hàm Phong, để vương các đời đều mời các bậc cao nhân của Nho, Thích, Đạo, nói theo danh từ hiện nay là chuyên gia học giả, mời vào hoàng cung, hoàng đế dẫn phi tần, văn võ đại thần nghe giảng mỗi ngày, học tập mỗi ngày, thật sự làm! Từ Hy đã phế bỏ chế độ này, Từ Hy không còn nghe theo những bậc đại đức Nho, Thích, Đạo nữa, không nghe lời họ nữa. Bà mê tín, bà cầu cơ phù loan, ham chuyện thần tiên, quốc gia đại sự đều đem thưa hỏi trong đàn cầu cơ, do vậy mà mất nước. Đại sư Chương Gia kể cho tôi biết chuyện này, thế hệ trước của ngài Chương Gia đều là quốc sư của các đời hoàng đế nhà Thanh, trong tứ đại Lạt-ma chỉ mình ngài có đạo tràng tại Bắc Kinh. Đại sư Chương Gia có trụ sở tại Bắc Kinh, ngài thường ở Bắc Kinh để làm cố vấn cho hoàng thượng. Lão nhân gia nói cho tôi biết, ngài bảo rằng sự việc hỏng hết dưới tay Từ Hy, bà ta phá hoại chế độ, người lãnh đạo không xem trọng truyền thống, dần dần ảnh hưởng tới quần chúng. Nếu chúng ta truy cứu nguyên nhân, văn hóa truyền thống tốt đẹp như thế, vì sao lại ra nông nổi

nhu hiện thời? Đầu mối là do Từ Hy. Chúng ta phải biết, phải bảo vệ, phải làm thế nào để khôi phục.

Do vậy, sau khi chúng tôi hiểu rõ ràng sáng tỏ chuyện này thì mới biết Phật pháp thù thắng, càng học càng yêu thích, khi ấy mới phát hiện, thật sự phát hiện ra của báu, phát hiện kinh giáo là món trân bảo thù thắng khôn sánh. Nhưng trong giáo pháp Đại thừa thường nói: *“Phật pháp không người giảng, tuy trí chẳng thể hiểu”*, hiện thời sách vở thì có, nhưng thiếu người truyền thừa. Trong thời Dân Quốc, đúng là đời sau không bằng đời trước, đã đến thời mạt rồi; trong thời kháng chiến, nói chung còn có mười mấy vị xuất gia và tại gia truyền thừa, sau thời kháng chiến thì ngày càng ít, bậc đại đức hiếm hoi, không người kế tục, đặc biệt là trong 50 năm gần đây. Điều này chúng ta biết, bản chất thật sự của Phật giáo đã hoàn toàn mất rồi. Chúng tôi ở Đài Loan, người thật sự giảng kinh, dạy học ở Đài Loan chỉ có mình thầy Lý, thầy mở một liên xã tại Đài Trung, trong liên xã mở lớp dạy học, thầy mở mười mấy lớp đều là dạy văn hóa truyền thống, giống như lớp bổ túc giáo dục xã hội vậy, không nhận học phí. Bản thân thầy Lý đa tài đa nghệ, biết rất nhiều thứ, có năng lực dạy dỗ, thầy dạy học tại Đài Trung 38 năm, thầy mất năm 97 tuổi. Thầy giảng kinh tại Đài Trung suốt 38 năm chẳng gián đoạn, nhưng mỗi tuần chỉ giảng một buổi, giảng cố định vào thứ Tư, thời gian cố định, nơi chốn cố định. Do vậy, thầy chẳng cần tuyên truyền, thứ Tư mỗi tuần đến thư viện Từ Quang ở Đài Trung thì nhất định thấy thầy giảng kinh ở đó, mỗi tuần một lần. Thầy dạy học sinh chúng tôi, lớp dạy những học sinh trẻ tuổi học giảng kinh cũng là mỗi tuần một buổi vào thứ Sáu, thầy dạy chúng tôi giảng kinh, dạy chúng tôi cổ văn, như lớp học nhỏ của nhóm ông Giang Dật Tử thì họ học thi từ với thầy. Ngoài ra, còn có rất nhiều khoa mục mà bản thân thầy tìm không ra thời gian, phải mời giáo viên từ bên ngoài đến dạy. Cho nên đây là giáo dục xã hội, có điểm rất giống với việc dạy học của Thích-ca Mâu-ni Phật năm xưa.

Phật giáo trên toàn thế giới hiện thời, tôi nghĩ sơ lược một chút, tối thiểu có sáu hình thức khác nhau mà chúng ta phải biết. Loại thứ nhất là giáo dục của Thích-ca Mâu-ni Phật, đức Phật suốt đời làm thầy dạy học, nói theo hiện nay thì ngài là một nhà giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa, ngài mang thân phận là một người làm công tác tình nguyện giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa, ngài không thu học phí. Cuộc sống của ngài rất đơn giản, ăn một bữa giữa ngày, nghỉ một đêm dưới cây, cả đời không xây trường học. Ngài dạy học ở nơi nào? Rừng núi, dưới gốc cây, số người

học chẳng ít! Vì thế, ngày nay chúng ta nghĩ đến, thấy chẳng hề đơn giản. Chúng thường tùy là 1.255 người, những vị này chẳng rời khỏi Phật, tôi nghĩ những người tham dự tạm thời tối thiểu cũng bằng số này; nói cách khác, khi Phật dạy học, thính chúng phải tới hai, ba ngàn người. Khi đó làm gì có máy khuếch âm, ở nơi đồng trống, nếu người ta nghe không rõ thì liệu có còn hứng thú theo học với Phật nữa chẳng? Buổi tối nghỉ dưới cây, gió thổi, nắng hun, mưa tấp, ngài đều chẳng ngại, thân kim cang bất hoại mà! Ăn một bữa giữa ngày, người ta cho gì ăn nấy, chẳng phân biệt tí nào. Đó là loại người gì, thân thể ra sao? Chúng ta ngẫm lại, không cách nào sánh bằng ngài, chúng ta ra ngoài đồng ở một đêm, hôm sau về nhà bèn nhập viện, làm sao có thể sánh bằng ngài? Đây chẳng phải một hai ngày, mà sống như vậy suốt 49 năm, có thể khiến người khác không bội phục được sao? Ngài thật sự có công phu, thân lẫn tâm đều khỏe mạnh. Đây chính là Phật giáo nguyên bản của Thích-ca Mâu-ni Phật. Đức Phật cả đời không lập đạo tràng là có lý của ngài, bởi lẽ lập đạo tràng thì sẽ có người khởi ý niệm lệch lạc: “Làm thế nào để có được đạo tràng này?” Ngài không có đạo tràng, vì biết [đạo tràng đối với] người đời sau sẽ có tác dụng phụ, nên ngài thứ gì cũng không có, điều này chúng ta nên học tập.

Phật giáo truyền sang Trung Quốc, đạo tràng do quốc gia xây dựng, hoặc do những vị trưởng giả đại phú kiến tạo, đều gọi là đạo tràng thập phương, không phải của tư nhân. Việc quản lý đạo tràng là tự quản, không sai, hết thầy những người điều hành đều được bầu ra. Do vậy, Phật môn có chế độ tuyển cử sớm nhất, trụ trì hay đương gia đều do bầu cử, nhiệm kỳ là một năm. Vì lẽ gì? Đây là phục vụ. Phục vụ thì chẳng thể bắt người ta phục vụ mãi được, mỗi cá nhân đều phải có nghĩa vụ này, hoàn toàn là nghĩa vụ, vì thế mỗi cá nhân tối thiểu phải phục vụ một năm. Trong chùa chiền, ngày 30 tháng Chạp, các vị chấp sự cùng từ chức, bầu cử lại. Ngày hôm sau, những người mới được bầu chọn sẽ nhậm chức vào ngày mùng 1 tháng Giêng, đến hôm 30 tháng Chạp sẽ cùng từ chức. Thế nên đây là một chế độ tốt đẹp, chẳng có ai tranh chấp, thật sự là tuyển chọn người tài năng và đức độ làm trụ trì đạo tràng, bởi vì đây là một cơ cấu giáo học. Tại Trung Quốc đã có chế độ này, chính thức đi vào khuôn khổ, chính thức tiến hành công tác giáo học, Thích-ca Mâu-ni Phật là giáo học tư nhân, giống như Khổng lão phu tử cũng là giáo học tư nhân, sau khi đạo Phật truyền đến Trung Quốc bèn có chế độ, chế độ này được gọi là chế độ tùng lâm. Trong quá khứ, thầy Phương đã nhiều lần nói với tôi điều này, tối thiểu cũng phải mười mấy lần, ấn tượng rất sâu đậm, thầy nói Phật giáo muốn hưng vượng thì nhất định phải khôi phục chế độ tùng lâm. Chế độ tùng lâm là trường học, chính thức làm

trường học, chủ tịch từng lâm là hiệu trưởng, thủ tọa là trưởng phòng giáo vụ, duy-na là giám thị, giám viện là trưởng phòng hành chính, hoàn toàn giống với cách phân công chức vụ trong trường đại học, tuy khác danh xưng nhưng chức trách như nhau, quả thật là một trường học, đây là trong quá khứ. Hiện thời chẳng còn nữa, hiện nay Phật giáo biến thành tôn giáo có lẽ là từ thời vua Gia Khánh trở đi. Trong thời Càn Long, Gia Khánh, chùa chiền, từng lâm ở Trung Quốc vẫn còn dạy học, đời nào cũng có bậc cao tăng đại đức. Hiện nay đã biến thành tôn giáo, chúng ta cũng không thể không thừa nhận nó, cho nên loại thứ hai là Phật giáo tôn giáo. Quý vị thấy loại này lấy kinh sách Phật sự, pháp hội làm chính yếu, chẳng giảng kinh dạy học, biến chất rồi. Loại thứ ba là biến thành học thuật. Trong trường đại học, ngành triết học dùng kinh Phật để giảng dạy, tôi cũng dạy mấy năm, Phật giáo biến thành học thuật, biến chất rồi. Loại thứ tư là du lịch văn cảnh trong nước, tức là loại Phật giáo tham quan du lịch. Còn có một loại rất mới, rất hợp thời trang, đó là doanh nghiệp Phật giáo, nghe nói còn có lên sàn chứng khoán, doanh nghiệp Phật giáo mà! Loại cuối cùng là Phật giáo tà giáo, mang nhãn mác Phật giáo nhưng thật ra chẳng có liên quan gì đến Phật giáo cả, giống như cái gọi là *Pháp luân công*, hoàn toàn là sai lầm. Như vậy là tối thiểu có sáu hình thức khác nhau, chúng ta đang học loại nào, phải hiểu rõ điều này.

Đại sư Chương Gia chỉ tôi con đường này, dạy tôi hãy học Thích-ca Mâu-ni Phật, tôi cũng rất vâng lời, tôi hết sức tôn kính thầy, vâng lời thầy chỉ dạy. Sau đó, không những thầy dạy tôi học theo Thích-ca Mâu-ni Phật, mà còn mong tôi hãy xuất gia, đi theo con đường của Thích-ca Mâu-ni Phật. Tôi làm theo, chứng thực được lời thầy Phương đã nói: “Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người”, thật là hạnh phúc vui sướng mỹ mãn. Có thử thách hay chẳng? Thử thách nhiều vô cùng, thử thách đều là kỳ thi. Chúng ta học Phật, đối với người, đối với việc, đối với vật phải vĩnh viễn giữ tấm lòng cảm ơn, bạn sẽ luôn gặp phải sự hủy báng, chướng ngại, thậm chí là hãm hại, đối với những người đó đều phải cảm ơn. Vì sao vậy? Họ đến khảo ta, ta đều có thể vượt qua, chẳng oán hận, chỉ có cảm ơn. Vì sao họ chướng ngại ta như thế? Đại khái do hai nguyên nhân, một là trong đời quá khứ, có lẽ ta đã chướng ngại họ, đây là oan oan tương báo. Nay chúng ta hiểu rõ, giác ngộ rồi, tiếp nhận quả báo này, hóa giải oan nghiệt ấy, ta chẳng trả thù họ, mà cũng đừng nên oán hận họ. Một nguyên nhân khác là từ xưa đến nay đều chẳng thể tránh khỏi sự đổ kỵ, chướng ngại, là do bản thân chúng ta cư xử không cẩn thận, thái độ không khiêm tốn, khiến người khác sanh lòng ghen ghét, đó là ta sai, chẳng phải họ sai, chúng ta cũng phải

cảm ơn họ. Trong Phật pháp, nơi nào có duyên bèn đến nơi đó, duyên được gọi là thời tiết nhân duyên, cổ nhân Trung Quốc thường nói: “Người chẳng tốt ngàn ngày, hoa chẳng thơm trăm bữa”. Người với người ở chung với nhau, có thể chung sống ba năm, bạn bè chán ngán, nảy sinh vấn đề, chúng ta phải biết dè dặt cẩn thận, trong khởi tâm động niệm, lời nói việc làm, phải lấy những lời dạy của Phật Bồ-tát, thánh hiền làm tiêu chuẩn ứng xử cho chúng ta, nghiêm ngặt tuân thủ thì chắc chắn sẽ có ích. Đối với những người làm tổn hại chúng ta, chúng ta dùng tâm báo ân để đối đãi, lâu ngày rồi họ sẽ biết, họ biết rồi cũng sẽ hối cải, nhưng mà thế nào? Họ ngại nói ra, chúng ta biết họ có thể diện, nhưng trong tâm họ chẳng còn oán hận chúng ta nữa, đã hóa giải rồi, bạn nói xem vui biết bao, là chuyện tốt đẹp như thế đó.

Trong thế gian hiện nay, oan oan tương báo quá nhiều, vì sao vậy? Bạn đối xử với người khác mà chẳng ban bố ân đức thì khó tránh khỏi kết oán với người. Hiện nay, vì sao ít có con hiếu cháu hiền, bạn ngắm xem bản thân mình có bố thí ân đức đối với người hay không? Bố thí ân đức thì mới có người báo ân tìm đến. Bố thí tài vật thì mới có người tới trả nợ. Luôn luôn toan dành phần hơn với người, đó là gì? Con cháu của bạn là kẻ đến đòi nợ; đâu đâu cũng ngạo nghễ, lấn áp người khác, như vậy thì sẽ có kẻ tới báo oán. Phiền phức ở chỗ này, chúng ta nhất định phải hiểu điều này, đều là tự làm tự chịu. Mọi người đều là người tốt, tổ tiên dạy chúng ta rằng “tánh người vốn thiện”, Phật pháp Đại thừa dạy chúng ta “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, chúng ta xem người khác như thế nào? Chúng ta phải xem người khác, xem hết thầy chúng sanh đều là Bồ-tát, đều là Phật, thật đấy, chẳng giả đâu! Vì sao Thiện Tài trong một đời chúng đắc Phật quả cứu cánh viên mãn? Năm xưa, tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm, cũng bỏ ra không ít thời gian, đáng tiếc là khi ấy ngay cả máy thu âm cũng không có. Tôi giảng được một nửa bèn hiểu rõ, biết bí quyết thành tựu của ngài, chính là trong tâm ngài, chúng sanh toàn là thiện tri thức, toàn là Phật Bồ-tát, cho nên ngài thành tựu. Tôi tỉ mỉ quan sát, tra tìm thông tin này từ trong kinh điển, thầy của ngài là Bồ-tát Văn-thù, ngài đắc căn bản trí nơi Bồ-tát Văn-thù, cũng là đắc tâm thanh tịnh, đại triệt đại ngộ. Ngộ rồi khởi tu, khởi tu là gì? Khởi tu chính là cuộc sống. Bồ-tát Văn-thù bảo ngài ra ngoài tham học, 53 lần tham học, tham học là gì? Tiếp xúc với các tầng lớp trong xã hội, hết thầy mọi người mà bạn tiếp xúc từ sáng đến tối toàn là Phật, toàn là Bồ-tát, chỉ có một mình ta là phàm phu. Ngài mang tâm thái như vậy, đem toàn bộ những điều đã học từ chỗ của thầy áp dụng vào trong cuộc sống, trong công việc, áp dụng trong xử sự, đối người, tiếp vật.

Khi thầy Phương giới thiệu kinh Hoa Nghiêm đã nói cho tôi biết, kinh Hoa Nghiêm có lý luận viên mãn, có phương pháp thiện xảo, phần sau cùng lại còn có biểu diễn, 53 lần tham học là biểu diễn, quý vị thấy đó, đã đem đạo lý và phương pháp áp dụng vào trong cuộc sống, công việc, vào xử sự, đối nhân xử thế, làm ra cho quý vị xem. Thầy nói bộ sách giáo khoa này, thầy xem kinh Hoa Nghiêm là Phật học khái luận bậc nhất trên thế giới, chẳng tìm ra tài liệu giảng dạy thứ hai nào hay như thế. Thế nên, vào tuổi xế chiều, thầy dạy triết học Hoa Nghiêm cho chương trình tiến sĩ ở đại học Phụ Nhân (đại học của giáo hội Công Giáo) thật sự có thọ dụng. Chúng tôi được thầy chỉ dạy, mới biết Phật pháp thù thắng không gì bằng. Phật pháp xác thực có thể giải quyết vấn đề của chính mình. Bản thân tôi có rất nhiều vấn đề, trong đời quá khứ không tu phước báo, cho nên số mệnh này, số mệnh là có thật. Quý vị đọc Liễu Phàm Tứ Huấn, thấy tiên sinh Liễu Phàm được Khổng tiên sinh đoán mệnh, suốt 20 năm chẳng sai mây may. Thu nhập hằng năm, thứ tự đỗ đạt mỗi năm, địa vị thăng cấp mỗi năm, toàn bộ đã định trước trong số mệnh. Trong cuộc sống hằng ngày, tiên sinh Viên Liễu Phàm chuyện gì cũng chẳng nghĩ tới, cùng thiền sư Vân Cốc ngồi trong thiền đường suốt ba ngày ba đêm, không khởi một ý niệm, loại người này rất ít, thiền sư Vân Cốc rất kinh ngạc, ba ngày ba đêm chẳng khởi một niệm, công phu này khá lắm. Liền hỏi ông ấy: “Ông tu như thế nào?” Ông liền trả lời, cũng rất thật thà: “Con chẳng có công phu gì cả, số mệnh đã được người khác đoán ra rồi, khởi niệm vô ích, chẳng thà coi như xong, chẳng khởi niệm nữa!” Thiền sư Vân Cốc cười và bảo: “Ta ngỡ ông là thánh nhân, hóa ra ông vẫn là phàm phu”. Ông ấy hỏi: “Sao thầy nói vậy?” Thiền sư bèn giải thích. Đây là một người thật sự hiểu vận mệnh, chẳng khởi vọng tưởng. Bạn tin vào số mệnh, hãy xem thiền sư Vân Cốc dạy ông Viên phương pháp sửa đổi số mệnh, số mệnh của bạn do đâu mà có? Do các nghiệp nhân trong đời quá khứ tạo thành.

Lúc tôi mới học Phật, đại sư Chương Gia dạy tôi, ngài đã lớn tuổi, lớn hơn tôi 39 tuổi, năm ấy tôi 26 tuổi, lão nhân gia ngài đã 65 tuổi, ngài đã gặp nhiều người. [Theo ngài nhận định], con người tôi ngoại trừ có chút thông minh nhỏ nhặt ra, trong số mệnh chẳng có tiền tài, chẳng có địa vị, là kẻ bần tiện, gọi là số ăn mày. Nhưng còn có một chút thiện căn, đây là điểm khó được, biết tôn sư trọng đạo, hiếu thuận cha mẹ, thọ mạng chỉ được 45 tuổi, tôi đều tin tưởng. Vì thế, ngài giúp tôi, dạy tôi tu ba điều: bố thí tài, bố thí pháp, bố thí vô úy, dạy tôi những điều này để sửa đổi số mệnh. Bố thí tài thì tôi không có tiền, mỗi tháng bản thân chỉ có chút tiền lương, đời sống đã khá chật vật rồi, tiền đâu để bố thí? Ngài hỏi tôi: Một xu có hay không? Một

xu còn có thể. Một đồng có hay không? Một đồng vẫn được. Anh hãy bỏ thí từ một xu, một đồng, trước hết phải có ý nguyện bỏ thí, có ý niệm ấy. Về sau, tôi thường đến chùa miếu mượn kinh sách xem, không làm việc chi khác, chùa miếu có kinh sách, mua bên ngoài chẳng được. Thấy nhà chùa in kinh sách, cầm cuốn sổ nhỏ đi xin quyên góp, tôi bỏ ra năm xu, hay một đồng đều được, tôi bắt đầu làm từ chỗ này. Phóng sanh thì lúc tôi mới học Phật bèn phóng sanh, in kinh, đúng là càng thí càng được nhiều, chẳng giả tí nào! Sau này, theo thầy Lý học kinh giáo, rồi ra ngoài giảng kinh, giảng kinh là thuộc về bố thí pháp. Đại khái, tôi giảng kinh 11 đến 12 năm, có lần gặp Lạt-ma Cam Châu, vị này đã khuất, ngài cũng là học trò của đại sư Chương Gia, cũng có địa vị rất cao trong Phật giáo theo truyền thống Tây Tạng. Có một lần, ngài nói với tôi: “Pháp sư Tịnh Không, thầy đến đây, tôi có lời muốn nói với thầy”. Tôi nói: “Thưa Phật gia, có chuyện gì vậy?” Tôi và ngài rất thân quen. Ngài nói: “Chúng tôi đều phê bình sau lưng thầy”. Tôi hỏi: “Phê bình tôi điều gì?” Ngài nói: “Thầy là người rất thông minh, cũng là một người tốt, đáng tiếc là mệnh thầy rất khổ, đoán mệnh”. Tôi đáp: “Chuyện này có thể nói trước mặt mà! Tôi biết rất rõ, tôi đâu bận tâm chuyện này”. Ngài nói: “Mấy năm nay, thầy giảng kinh công đức rất lớn, số mệnh của thầy đã chuyển biến rồi”. Tôi hỏi: “Thật sao?” “Thật đó! Tuổi thọ thầy rất dài, phước báo rất lớn”. Tôi cũng chẳng cầu phước báo, cũng chẳng cầu tuổi thọ, thật vậy! Ngài nói với tôi chuyện này xong, năm sau bèn vãng sanh, tôi không ngờ ngài vãng sanh nhanh như vậy.

Cho nên, gặp được Phật pháp thì vận mệnh tôi mới có được chuyển biến rất lớn, mỗi một lần bị vùi dập là mỗi một lần được nâng lên cao với mức độ lớn, các đồng học ở cạnh tôi đều đích thân thấy điều này. Chúng ta học Phật chỉ có một sứ mệnh, mong sao chánh pháp của Thích-ca Mâu-ni Phật trụ lâu ở đời, học theo Thích-ca Mâu-ni Phật giúp hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, phá mê khai ngộ chính là dựa vào giáo học. Khổ nạn của con người, tai nạn trong xã hội là do đâu? Đều do chúng sanh mê hoặc điên đảo, tạo tác nghiệp bất thiện mà cảm vơi. Làm thế nào để giúp chúng sanh, giúp xã hội hóa giải tai nạn? Dùng ngay biện pháp quen thuộc của Thích-ca Mâu-ni Phật, giảng kinh dạy học. Bởi lẽ, người giảng kinh dạy học càng đông, người được giáo hóa càng nhiều, người giác ngộ càng nhiều thì rất nhiều vấn đề trong xã hội sẽ được giải quyết, gọi là thiên tai cũng dần được hóa giải, chuyện này là thật, chẳng phải giả. Tiến sĩ Emoto Masaru làm thí nghiệm với nước, mới đây đã mở một hội nghị tại Tokyo, có mời tôi, tôi viết một bài diễn giảng, giao cho cư sĩ Chung Mậu Sâm thay tôi tham dự, báo cáo trong đại hội. Khoa học chứng minh ý

niệm của chúng ta chẳng thể nghĩ bàn, bởi lẽ theo giáo pháp Đại thừa thì vũ trụ do đâu mà có? Vạn pháp do đâu mà có? Ta do đâu mà có? Đức Phật nói rất rõ ràng: “*Chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến*”. Vì thế, chúng ta giải quyết vấn đề của chính mình thì sẽ giải quyết vấn đề của hoàn cảnh, hoàn cảnh hiện nay chính là thiên tai, trong Phật pháp đã dạy chúng ta một nguyên tắc chỉ đạo tối cao, tức là bạn phải thật sự hiểu “*tướng do tâm sanh, cảnh tùy tâm chuyển*”, chỉ cần chuyển biến tâm. Giáo học của Phật pháp không có gì khác, dạy chúng ta hãy chuyển ác thành thiện, thiện ác có tiêu chuẩn, Thập Thiện Nghiệp Đạo là tiêu chuẩn trong nhà Phật. Bạn đừng coi thường mười điều này, trong giáo pháp Tiểu thừa thì mười điều này được triển khai thành ba ngàn oai nghi; trong pháp Bồ-tát của Đại thừa thì triển khai thành tám vạn bốn ngàn oai nghi, tức là mười điều này mở rộng thành tám vạn bốn ngàn điều, không thể nghĩ bàn. Do vậy, tu thập thiện viên mãn thì tám vạn bốn ngàn điều bạn đều thực hiện hết rồi, bạn sẽ thành Phật.

Đừng coi thường một trăm mười ba điều trong cuốn *Đệ Tử Quy* của nhà Nho! Nếu triển khai ra thì chúng cũng thành tám vạn bốn ngàn điều, toàn bộ văn hóa truyền thống được thực hiện ngay trong đó. Do vậy, Tứ Thư, Ngũ Kinh, Thập Tam Kinh, thậm chí Tứ Khố Toàn Thư đều chẳng tách rời những điều ấy, mỗi một điều đều chẳng tách rời. Điều này giống với Thập Thiện Nghiệp Đạo, mỗi một bộ kinh, mỗi một câu, mỗi một chữ trong Đại tạng kinh đều chẳng lìa khỏi Thập Thiện Nghiệp Đạo, một là hết thầy, hết thầy là một. Cũng vì hiện nay đúng lúc chúng ta gặp phải rất nhiều tai nạn, cho nên tôi phát tâm tạm ngừng giảng kinh Hoa Nghiêm từ một năm tới hai năm. Lần này tôi giảng bộ kinh này, trong quá khứ tôi đã giảng kinh Vô Lượng Thọ mười lần, nhưng lần này, tôi không giảng kinh mà giảng chú giải, giảng chú giải của ai? Giảng bản chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Lão cư sĩ Hoàng với tôi là bạn bè, cũng là thầy của tôi, ngài cùng thế hệ với thầy tôi, lão cư sĩ Lý Bình Nam là học trò của đại sĩ Mai Quang Hy, đại sĩ Mai và ngài Hạ Liên Cư là sư huynh đệ, là đồng đạo hết sức thân thiết. Ngài Hoàng Niệm Tổ là cháu gọi cụ Mai Quang Hy bằng cậu, là học trò của ngài Hạ Liên Cư. Trước kia lúc chưa gặp mặt, tôi từng nghe thầy Lý nhắc đến tên Hoàng lão, có chút ấn tượng như thế đối với ngài Hoàng Niệm Tổ. Khi đó, năm 1986, tôi là hội trưởng của hội Phật giáo Hoa Phủ tại Washington, nước Mỹ, các đồng tu tới bảo tôi là họ muốn mời một vị thượng sư Mật tông sang Mỹ hoằng pháp. Khi đó, tôi nghe xong, không cho là đúng: “Chúng ta là Tịnh độ tông, chớ nên dính dáng đến môn phái khác!” Tôi nói: “Chúng ta thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”. Tôi hỏi họ: “Vị đại đức Mật tông ấy là ai thế?” Họ thưa:

“Hoàng Niệm Tổ”. Trong đầu tôi có ấn tượng về Hoàng Niệm Tổ, tôi nghĩ mãi mới ra, tôi hỏi: “Có phải ông ấy là cháu cụ Mai Quang Hy không?” Họ đáp: “Đúng vậy”. Tôi bảo: “Hãy mời ngài ấy đến”. Thầy Lý đã nói đến vị này mấy lần, tôi tưởng ngài đã mất, đã tịch rồi, ai ngờ ngài vẫn còn ở nhân gian, rất khó được, những điều ngài giảng là chân truyền, không có vấn đề gì. Vị này được đích thân Mai lão và Hạ lão uôn nắn, dạy dỗ, tôi nói: “Vị đại đức này khó được, quý vị hãy mời ngài đến đây”, thỉnh ngài đến như thế đó.

Thỉnh đến rồi mới biết, ngài hoàng dương bản hội tập này trong nước, tôi hoàng dương tại hải ngoại. Ngài nghe nói xong, hai người chúng tôi đều hết sức vui mừng. Điều hết sức khó được, là khi ấy ngài vừa viết xong bản chú giải, dùng bản in dầu để in, chữ in lò mờ, không rõ ràng. Chúng ta biết, thành phẩm của in dầu nhiều nhất là không hơn 100 bản, in hơn 100 bản thì giấy sấp sẽ chẳng thể dùng được nữa, ngài dùng bản in như vậy. Đương nhiên, bộ sách ngài mang sang Mỹ, nhất định là chọn bản in tương đối rõ ràng một chút để tặng cho tôi, tôi đọc xong thì hết sức hoan hỷ. Ngài muốn tôi viết lời tựa, do vậy lời tựa của bộ chú giải ấy là do tôi viết. Năm xưa, tôi đến Bắc Kinh vài lần, toàn là đến gặp ngài, vì gặp ngài mà sang đó. Mỗi một lần sang đó, chúng tôi đều có một thời gian rất dài để thảo luận các vấn đề Phật pháp, ngài dạy tôi rất nhiều, do vậy chúng tôi là bạn bè thân thiết, mà ngài cũng là thầy tôi, tôi cũng cảm ơn ngài. Bản hội tập này của Hạ lão đâu phải dễ có, quyển sách này phạm phu làm sao có thể làm ra được! Các lần hội tập trong quá khứ, các bản của Vương Long Thư, Ngụy Mặc Thâm, hay bản tiết hiệu của Bành Tế Thanh đều có vấn đề, vẫn chưa thể xem là bản tận thiện tận mỹ. Đọc bản này, nếu bạn xem lời tựa rất dài của cư sĩ Mai Quang Hy, sẽ thấy viết hết sức rõ ràng. Do vậy ở Đài Trung, sau khi bản này truyền đến Đài Trung, thầy Lý đã giảng kinh này một lượt. Khi ấy, kinh chưa có chú giải, thầy Lý tự dùng bút lông viết *mi chú*² một cách nắn nót, ngay ngắn. Khi thầy giảng bộ kinh này, tôi vẫn chưa đến Đài Trung, tôi chưa được nghe, nhưng thầy đem bản mi chú này trao cho tôi, tôi có thể đọc hiểu, tôi cũng có thể dùng bản này để giảng, tôi có năng lực này. Do vậy, khi đó tôi đã tính giảng bộ kinh này, trình lên thầy; thầy bảo chưa được, chưa đến lúc, thời tiết nhân duyên chưa đến. Vì thế, các đồng tu ở Đài Bắc đã in kinh xong, nhưng rốt cuộc đổi sang giảng kinh Lăng-nghiêm, tôi ở Đài Bắc, trước sau đã đem kinh Lăng-nghiêm học được từ lão nhân gia giảng bảy lần.

² Mi chú là viết lời chú thích ở đầu mỗi trang.

Do nguyên nhân gì? Đó kỳ chương ngại, tại Đài Loan mọi người có thành kiến đối với Hạ lão, đối với thầy Lý cũng có thành kiến, nên thầy bảo tôi hãy tránh né. Đến khi lão nhân gia vắng sanh, tôi ở Mỹ, nghĩ thầy đã trao cho tôi bản kinh này, rất nhiều người chưa nhìn thấy bản này, tôi liền phát tâm in một vạn cuốn. Năm sau, tức năm 1987, khi in xong xuôi bèn cho lưu thông, các đồng học ở ngoại quốc, ở Mỹ thấy bản này thì vô cùng hoan hỷ, liền thỉnh tôi giảng. Vì thế, tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ lần đầu tiên tại Vancouver, Canada, lần thứ hai tại thành phố San Francisco, trước sau giảng tất cả mười lần, như vậy kinh mới được giảng giải, mới được lưu thông. Lần này, tôi mang theo bản gốc của kinh này, tặng cho Hồ Tiểu Lâm để ông làm kỷ niệm, ông ấy cũng thọ trì kinh Vô Lượng Thọ, số lần đọc tụng rất nhiều. Từ nay về sau, chúng ta phải vĩnh viễn lưu truyền kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta cảm tạ ân đức hội tập của Hạ lão, cảm tạ cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã nhọc lòng chú giải bộ kinh này. Vì thế, lần này tôi phát tâm giảng bản chú giải của ngài, gọi là “diễn nghĩa”, bạn thấy kinh Hoa Nghiêm có diễn nghĩa, đối với kinh Di-đà, đại sư Liên Trì có làm “sớ sao”, học trò của đại sư Liên Trì lại chú giải cho sớ sao gọi là diễn nghĩa. Đại khái đối với diễn nghĩa, các bạn có khái niệm sâu nhất có lẽ là tiểu thuyết Tam Quốc Diễn Nghĩa. Chúng ta dùng phương pháp này để cùng nhau học tập, thâm nhập thấu triệt để học tập, giống như phương pháp Hồ Tiểu Lâm học tập Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, chúng tôi đều giảng rõ ràng từng câu từng chữ.

Trong những năm qua, chúng tôi gặp nhiều người thuộc giới học thuật, tôi tiếp xúc rất nhiều, đặc biệt là đối với sinh viên đại học hiện nay, cảm thấy họ không giống như thuở trước. Xưa kia, khi tôi dạy ở trường đại học, sinh viên kể ra cũng không tệ. Khi lên lớp, chúng tôi đã không theo cách dạy thời xưa, mà là giảng giải, giảng hai tiếng đồng hồ, sinh viên thường rất yên lặng lắng nghe. Nhà trường hiện nay thì không được, sức chú ý của sinh viên trong nhà trường hiện thời đại khái chỉ có 15 phút, sau 15 phút thì họ sẽ không để tâm nữa. Do vậy, tôi thường đem chuyện này hỏi các giáo sư: “Quý vị dạy trong trường, dạy như thế nào?” Họ nói: “Giảng bài 15 phút”. Sau đó thì sao? Sau đó là nói chuyện phiếm, dùng phương pháp này cho qua thời gian. Chúng tôi thấy điều này hết sức đau lòng, cũng là do người học tánh khí hời hợt; nói cách khác, cuộc đời của họ không có mục tiêu, không có phương hướng, gọi là mù quáng, hiện tượng này rất đau xót. Bởi vậy, tôi nghĩ tới hai câu nói của Không phụ tử, hôm nay tôi đặc biệt nêu ra hai câu này: “*Thuật lại mà không sáng tác, tin tưởng và ưa thích lời người xưa*”. Dùng hai câu nói này để làm thái độ nghiên cứu học vấn, rất hay! Thuật lại mà không sáng tác là gì? Không sáng tạo,

không phát minh. Phu tử chính mình nói sở học, sở tu, sở giáo, sở truyền cả đời ngài toàn là những điều do cổ thánh tiên hiền đã nói, không có gì là của chính mình. Chúng ta có tin tưởng hay chẳng? Tôi học Phật nhiều năm như vậy mới tin tưởng, đặc biệt là đối với những điều được nói trong kinh Hoa Nghiêm và Hoàn Nguyên Quán, vì sao vậy? Cổ thánh tiên hiền đều kiến tánh, thật sự minh tâm kiến tánh. Tôi từng hỏi thầy Lý, tôi hỏi: “Thưa thầy, Không tử, Mạnh tử, Lão Trang có phải là Phật Bồ-tát tái lai không?” Thầy mỉm cười, bảo tôi: “Nói theo lý thì được, nhưng trên sự không có chứng cứ”. Phẩm Phổ Môn nói: “Nên dùng thân gì để độ bèn hiện thân ấy”, nhưng họ chẳng bộc lộ thân phận. Vì thế, về lý thì chúng ta có thể nói thông suốt, họ đều là bậc đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

Kiến tánh rồi thì sẽ viên mãn, bạn chẳng thể thêm vào một chút, cũng không thể bớt đi một chút, đều là viên mãn. Các ngài chứng đắc viên mãn, bạn minh tâm kiến tánh thì cũng chứng đắc viên mãn. Do vậy, hai chữ Như Lai có một cách giải thích: “Như Lai là Phật hiện tại như cổ Phật tái lai”, các ngài đều là một, cho nên các ngài nói: “Những điều ta nói đều giống như cổ nhân đã nói”, đúng vậy, chẳng sai tí nào, tự - tha không hai. Thế nên, phó thác trách nhiệm vào lời dạy của người xưa, chính mình chẳng có sáng tạo, phát minh, đó là khiêm tốn. Bất luận là pháp thế gian hay xuất thế gian thì khiêm tốn là bậc nhất. Bạn thấy trong 64 quẻ của kinh Dịch có câu: “Tự mãn sẽ chuốc lấy tổn hại, khiêm tốn được lợi ích”, trong 64 quẻ thì chỉ có quẻ Khiêm là “sáu hào đều tốt lành”. Tâm con người hiện nay hời hợt, bộp chộp, chẳng khiêm tốn, do vậy chẳng những họ không thể tiếp nhận thánh giáo, mà học thuật thế gian họ cũng chẳng thể thành tựu. Hiện nay tìm không ra những nhà văn học giống như thời Đường, Tống, Nguyên, Minh. Vì thế, thuật lại mà không sáng tác rất quan trọng! “Tin tưởng và ưa thích lời người xưa”, đối với những trước tác của cổ nhân, thành tâm tin tưởng, một chút hoài nghi cũng chẳng có. Ưa chuộng cổ nhân, vui thích những giáo huấn của cổ nhân, những thứ ấy đã trải qua trăm ngàn thử thách, vượt qua được khảo nghiệm, bị thời gian lẫn con người khảo nghiệm mà vẫn có thể lưu truyền tới ngày nay, chứng tỏ chúng có giá trị, chúng ta phải tôn trọng, chúng ta phải hết lòng nỗ lực học tập. Bạn thấy Phật pháp nói theo lý rất đơn giản, chúng sanh và Phật chẳng khác, khác nhau ở chỗ nào? Chính là mê hay ngộ, Phật Bồ-tát đã giác ngộ, chúng sanh chưa giác ngộ, họ mê rồi. Do vậy, Phật Bồ-tát giúp đỡ chúng sanh, giúp điều gì? Giúp họ phá mê khai ngộ, giúp họ hết vọng về nguồn, đây là giáo dục. Giúp họ trở về nguồn, giúp họ chứng đắc Bồ-tát, chứng đắc Phật quả, có công đức

hay không? Không có công đức. Vì sao vậy? Họ vốn là Phật, họ vốn là Bồ-tát, giác ấy là bản giác, bản giác là thứ vốn có.

Bạn mới biết những bậc đại thánh đại hiền giúp người, tâm địa các ngài thanh tịnh biết bao, thật sự chẳng nhiễm mảy trần, chẳng có vọng niệm nào. Nếu tôi giúp quý vị như thế là có ân đối với quý vị, đây là vọng niệm, không hề có! Chẳng có mảy may nào, cho nên các ngài thanh tịnh, tự tại, chúng ta nhất định phải hiểu điều này. Hiện thời, con người hiểu lầm Phật giáo rất sâu, khi chúng ta giảng giải, phải đặc biệt giảng rõ ràng. Người Ấn Độ gọi là Phật, người Trung Quốc gọi là thánh nhân. Phật nghĩa là gì? Nghĩa là giác ngộ. Thánh là gì? Thánh nghĩa là hiểu rõ. Hiểu rõ chẳng phải là giác ngộ ư? Giác ngộ chẳng phải là hiểu rõ ư? Vì vậy chúng là một, chẳng phải hai. Chúng ta xưng Không tử là “Chí Thánh Tiên Sư”, vậy chúng ta cũng có thể xưng tụng Phật giống như thế: “Chí Thánh Bản Sư”. Dùng cách xưng hô như vậy thì mọi người sẽ không cảm thấy mê hoặc, sẽ không nói Phật giáo là tôn giáo, Chí Thánh Bản Sư là người thầy căn bản của mình. Các ngài đều dạy chúng ta “thuật lại mà không sáng tác, tin tưởng và yêu thích lời người xưa”, hai câu nói này của Không tử được chép trong sách Luận Ngữ, còn hai câu này của Phật được ghi ở đâu? Trong kinh Hoa Nghiêm, trong tựa đề của bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm, đại sư Thanh Lương bảo đức Phật nói còn viên mãn hơn Không tử. Ngài nói Thế Tôn từng bảo hết thấy các kinh do ngài đã nói trong 49 năm đều là lời cổ Phật đã nói, đối với các kinh do cổ Phật đã nói, đức Phật chẳng thêm một chữ nào, “thuật lại mà không sáng tác”, ngài nói đến mức độ ấy, có thật như vậy không? Thật vậy! Vì sao thế? Phật hiện tại và cổ Phật chẳng khác, sở chứng của Phật hiện tại chính là sở chứng của cổ Phật, những gì Phật hiện tại nói là lời của cổ Phật nói, đâu có khác nhau!

Như vậy thì chúng ta thực hiện hai câu này ra sao? Thực hiện trong lần này, đây là lần thứ mười một tôi giảng bộ kinh này, dùng *Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa*, hoàn toàn dựa theo bản chú giải của ngài Hoàng Niệm Tổ. Chúng ta báo ân, báo ân Hạ lão đã vì chúng ta hội tập một bộ sách viên mãn như vậy, hiếm có khó gặp! Tôi tin Hạ lão chẳng phải là người thường, mà là bậc tái lai. Tôi từng hỏi Hoàng lão, Hoàng lão khề gật đầu, ngài bảo: “Chớ nên nói điều này với người ngoài”. Chúng tôi biết, trong tâm hiểu rõ. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng không phải là người thường, trong hoàn cảnh khó khăn như thế mà viết ra một bộ chú giải như vậy, quá khó được! Suu tập nhiều tài liệu như thế. Tôi đã đến nhà ngài mấy lần, thấy tài liệu chất đống trong thư phòng, quả thật là tam bảo gia trì, gần như ngài nghĩ đến sách gì thì đều có người

tặng cho ngài, người thông thường có thể được như vậy không? Bộ kinh hay như thế, bản chú giải tuyệt như thế, nếu chúng ta không nghiêm túc học tập thì làm sao xứng đáng với Hạ lão, làm sao xứng đáng với Hoàng lão, làm sao xứng đáng với Thích-ca Mâu-ni Phật đã nhiều lần tuyên giảng bộ kinh này? Báo ân Phật, báo ân thầy, báo ân quốc gia, báo ân chúng sanh, chúng tôi dùng phương pháp diễn nghĩa này cũng chính là nghiêm túc, tỉ mỉ học tập. Đây là nhân duyên giảng kinh lần này, trong thời đại này của chúng ta, phương thức báo ân cụ thể là phải dùng phương pháp này, chúng tôi dẫn đầu làm trước. Hôm nay đã hết thời gian, chúng ta học tập tới đây. Ngày mai chúng ta sẽ bắt đầu học từ “lời mở đầu”. Tốt rồi, cảm ơn mọi người!